TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ ĐIỆN BÀN** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 188/2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 31-5-2018
V/v Chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐIỆN BÀN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tươi

2. Bà Võ Thị Lan

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Hoàng Thị Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện Bàn tham gia phiên toà: Bà Đinh Thị Thu Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2018, tại Hội trường Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 116/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2018 về việc "Chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2018/QĐXX-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Thiều Thị Hồng P Sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn T2, xã Đ, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn H Sinh năm 1971 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn T2, xã Đ, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

- Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Mạc Thị Hồng L Sinh năm 1991 (có mặt)

Bà Nguyễn Thị L Sinh năm 1944 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn T2, xã Đ, thị xã Điện Bàn,tỉnh Quảng Nam.

Ông Trần Mạnh K Sinh năm 1962 (vắng mặt)

Địa chỉ: 454/38/5 đường N, Thành phố Đà Nẵng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03/4/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn, chị Thiều Thị Hồng P trình bày:

Chị và anh Phạm Văn H là kết hôn với nhau vào năm 2002. Đến năm 2018, do có nhiều mâu thuẫn nên đã ly hôn theo Bản án số 71/2018/HNGĐ-ST ngày 20/3/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn. Về phần tài sản vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Tuy nhiên, sau khi ly hôn, anh H không thỏa thuận giải quyết vấn đề tài sản với chị nên chị yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn. Cụ thể các tài sản yêu cầu chia gồm: 01 ngôi nhà xây dựng trên thửa đất ở số 543/1, tờ bản đồ số 03 của mẹ chồng chị P là bà Nguyễn Thị L tại thôn T2, xã Đ; 01 nhà xưởng xây dựng trên đất nông nghiệp (đất màu) thuộc thửa 548, tờ bản đồ số 03 của mẹ chồng chị là bà Nguyễn Thị L ở thôn T2, xã Đ; 01 xe máy hiệu Air Blade BKS 92D1-09359 do anh H đứng tên; 01 xe máy hiệu Yamaha Sirius BKS 92S2-5238 do anh H đứng tên; 01 máy giặt hiệu Panasonic 7kg; 01 tủ lạnh hiệu Daewoo; 01 máy lọc nước hiệu Tana; 01 máy hơi rửa xe; 01 máy phát điện Sandi; 01 máy hút bụi Robinson; 01 máy thổi PU Jesun; 01 máy khoan; 01 máy cắt; 01 máy đục; 01 máy mài; 01 máy cưa liên hợp; 01 dàn karaoke và ti vi màn hình Samsung; 01 tủ đứng phòng khách; 01 bộ bàn ghế phòng khách; 01 bộ bàn inox 6 ghế; 01 tủ bếp treo tường; 01 bếp ga và bình ga; 01 tủ áo quần bằng gỗ; 01 bảo hiểm tại Công ty bảo hiểm Prudential.

Tại phiên tòa, chị P rút một phần yêu cầu khởi kiện ban đầu, không yêu cầu chia tài sản chung là 01 nhà xưởng xây dựng trên đất nông nghiệp (đất màu) thuộc thửa 548, tờ bản đồ số 03 của mẹ chồng chị là bà Nguyễn Thị L ở thôn T2, xã Đ; 01 tủ quần áo bằng gỗ và 01 máy hơi rửa xe.

Chị P có nguyện vọng tiếp tục đóng bảo hiểm tại Công ty bảo hiểm Prudential và nhận 01 chiếc xe máy hiệu Air Blade để sử dụng. Các tài sản còn lại thì chị yêu cầu giao cho anh H quản lý và chia ½ giá trị cho chị.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 13/4/2018 và những lời khai tiếp theo của bị đơn, anh Phạm Văn H trình bày:

Anh thống nhất lời trình bày của chị P về quan hệ hôn nhân và việc giải quyết ly hôn giữa anh và chị P. Về tài sản chung của vợ chồng trong thời gian chung sống, anh H xác định tài sản chung của vợ chồng gồm: 01 xe máy hiệu Air Blade BKS 92D1-09359 do anh H đứng tên; 01 máy giặt hiệu Panasonic 7kg; 01 tủ lạnh hiệu Daewoo; 01 máy lọc nước hiệu Tana; 01 dàn karaoke và ti vi màn hình Samsung; 01 tủ đứng phòng khách; 01 bộ bàn ghế phòng khách; 01 bộ bàn inox 6 ghế; 01 tủ bếp treo tường; 01 bếp ga và bình ga; 01 bảo hiểm tại Công ty bảo prudential.

Ngoài ra, vợ anh là chị P còn đang cất giữ 3 cây 8 chỉ vàng gồm 1 cây vàng SJC mua năm 2016 tại cửa hàng Quốc Long; 2 cây 8 chỉ vàng 98%, trong đó 1 cây

vàng cưới, số vàng còn lại mua từ khi cưới cho đến nay.

Đối với tài sản là hiện vật thì anh sẽ giao hết chị P kể cả số vàng chị P đang giữ, anh có nguyện vọng nhận chiếc xe máy hiệu Air Blade. Anh đồng ý chuyển tên người mua bảo hiểm sang cho chị P để chị P tiếp tục đóng. Anh yêu cầu chị P thối trả lại giá trị tài sản bằng tiền cho anh.

Đối với ngôi nhà xây trên đất của mẹ anh được xây dựng vào năm 1971. Đến năm 2007, mẹ anh đưa cho anh 01 cây vàng để sửa nhà dưới. Đến năm 2009, mẹ anh tiếp tục đưa 5 cây vàng để anh tính toán sửa nhà trên. Ngoài ra, anh có mượn thêm của cháu Mạc Thị Hồng L 3,3 chỉ vàng để góp vào làm nhà. Lúc đó vợ chồng anh có tiền, vàng nhưng vợ anh là chị P không đồng ý giao số tiền, vàng này ra để làm nhà vì cô ấy không muốn sinh sống ở đây. Anh đã kêu thợ quanh xóm làm nhà và anh có đóng góp công làm nhà, vợ chồng không góp tiền.

Đối với chiếc xe Sirius là xe của cháu gái tên Mạc Thị Hồng L, sinh năm 1990. Lúc mua xe năm 2010, cháu L chưa có bằng nên anh đứng tên giúp cho cháu L chứ không phải là tài sản của vợ chồng anh. Số tiền 5.000.000đ trả trước cho cửa hàng xe máy và trả góp mấy tháng đầu là của anh bỏ ra nhưng đây là tiền anh quy ra vàng 3,3 chỉ để trả lại cho cháu L. Thực tế, sau đó cháu L trả góp hằng tháng bằng tiền của cháu và sử dụng, quản lý xe này, vợ chồng anh không sử dụng.

Đối với tủ áo quần là do anh đóng sau tháng 4/2017. Thời điểm này chị P đã bỏ đi khỏi địa phương, không sống với anh nên đây là tài sản riêng của anh, không phải tài sản chung của vợ chồng.

Đối với xưởng gỗ chị P không yêu cầu chia thì anh không có ý kiến gì.

Đối với các đồ nghề làm thợ mộc gồm máy hút bụi, máy phát điện, máy thổi PU, máy khoan, máy cắt, máy đục, máy mài, máy cưa liên hợp là tài sản của công ty TNHH MTV Mỹ thuật T để đầu tư cho xưởng từ năm 2007 đến nay chứ không phải là tài sản riêng của vợ chồng anh nên không đồng ý chia.

Anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, anh không có yêu cầu gì khác.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/4/2018 và những lời khai tiếp theo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L trình bày:

Trước đây vợ chồng bà có tạo dựng 01 ngôi nhà ngói 03 gian, trên lợp ngói xi măng, gỗ xuyên trính dưới móng xây gạch tấp lô. Lúc còn sống, chồng bà đi lính địa phương quân 113 đóng tại Cẩm Hà Hội An, khi đi ra Lệ Trạch thì chồng bà chết (năm 1972). Sau khi chồng chết chính quyền ngụy có trả cho bà số tiền tử tuất, bà không nhớ rõ số tiền bao nhiêu nhưng lúc đó bà đổ được 06 cây vàng tại hiệu vàng Tân Tiến ở phường V. Số vàng đó bà chôn dưới đất trong vườn nhà mình để giấu. Sau khi kết thúc chiến tranh, bà sống bằng nghề nông và chăn nuôi, sau đó bà buôn nhôm, cuộc sống cũng khá giả nên không cần sử dụng đến số vàng này.

Đến khoảng năm 2002 thì bà cưới vợ cho anh H. Khi cưới xong thì 02 vợ chồng sống trong nhà vợ đến khi sinh con đầu được 10 tháng thì vợ chồng anh H mới về sinh sống cùng bà. Vì nhà bà quá chật chội nên vào năm 2007, bà có đưa cho con trai là anh H 01 cây vàng bán ra làm lại ngôi nhà dưới để bà cùng vợ chồng anh H ở.

Số vàng bà đưa anh H bà không biết thiếu hay đủ vì anh H không nói, nếu thiếu thì anh H tự bỏ vào .

Đến năm 2009, bà tiếp tục đưa cho anh H 05 cây vàng làm lại nhà trên. Anh H có phụ công chứ không đóng góp tiền bạc vào làm nhà, còn chị P thì không đóng góp gì cả. Việc tính toán mua vật tư vào ngôi nhà thiếu đủ thì bà không rõ, thiếu tiền thì do anh H bỏ thêm vào. Ngoài bà và vợ chồng anh H thì không có ai góp tiền vào để xây dựng ngôi nhà này cả.

Vì vậy, chị P yêu cầu được chia ngôi nhà nói trên thì bà không đồng ý vì đây là tài sản của bà L được xây dựng trên đất của bà.

Đối với nhà xưởng gỗ trên đất màu của bà tại thửa 548 tờ bản đồ số 03 diện tích 350m2 thì anh H có xin phép bà. Tuy nhiên, việc tính toán làm nhà và tiền bỏ ra làm nhà xưởng thì bà không biết, bà không đóng góp gì cả.

Đối với những vật dụng trong gia đình mà vợ chồng anh H sắm được thì vợ chồng anh H tự giải quyết, bà không quan tâm.

Tại bản tự khai ngày 19/4/2018 và những lời khai tiếp theo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Mạc Thị Hồng L trình bày:

Vào năm 2010, chị có mua trả góp 01 chiếc xe máy hiệu Sirius. Thời điểm đó, chị không có bằng lái nên nhờ cậu ruột của chị là ông Phạm Văn H đứng tên giúp trong Giấy đăng ký xe, biển kiểm soát 92S2-5238. Xe được mua ở cửa hàng xe máy Thịnh Toàn với giá 17.600.000đ, trả trước 5.000.000đ và trả góp hàng tháng 788.000đ. Ông H là người đứng tên mua xe và trả góp nhưng số tiền dùng để trả là của chị. Vì trước đó cậu H có mượn của chị 3,3 chỉ vàng nên khi chị mua xe, cậu H trả trước 5.000.000đ để chị trả cho cửa hàng. Số tiền còn lại, mấy tháng đầu cậu H trả góp hàng tháng thay cho chị. Thời gian sau, khi cậu H trả đủ 3,3 chỉ vàng thì chị bỏ tiền ra để trả cho đến khi hết. Hàng tháng, ông H nhận tiền của chị đi trả hoặc chị nhờ mẹ ruột đi trả hộ tại Ngân hàng Sacombank- chi nhánh Duy Xuyên. Sau khi mua xe về, chị là người quản lý, sử dụng xe còn vợ chồng cậu H không sử dụng chiếc xe này. Hiện tại, chị vẫn đang quản lý, sử dụng chiếc xe trên. Đến năm 2012, chị tiếp tục mua 01 xe máy cũng hiệu Sirius để sử dụng và vẫn sử dụng xe đang tranh chấp. Vì đây là tài sản riêng của chị L nên chị không đồng ý với yêu cầu của chị P về việc yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng trong đó có chiếc xe máy Sirius của chị đã nhờ anh H đứng tên trong Giấy đăng ký xe.

Ngoài ra, chị L không có ý kiến gì khác.

Tại bản tự khai ngày 19/4/2018 và những lời khai tiếp theo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Mạnh K trình bày:

Ông K là Giám đốc Công ty TNHH MTV Trần K, chuyên thiết kế, thi công bảo tồn, bảo tàng, nhà truyền thống, triển lãm. Ông nhận các công trình và khoán lại phần thi công mộc, xây dựng cho anh H. Kết thúc gói thầu, anh H sẽ nhận được tiền công theo khoán. Quan hệ làm ăn giữa ông K và anh H là quan hệ hợp tác chứ anh H không phải là nhân viên của công ty TNHH MTV Trần K, việc hợp tác giữa hai ông từ

khoảng 20 năm nay. Mỗi năm ông K nhận thầu khoản 4 -5 công trình, mỗi công trình đều làm trong thời gian khá lâu. Kết thúc công trình, anh H nhận khoảng 150 – 200 triệu đồng. Khoản tiền này, anh H phải chi trả cho công nhân và vật tư đã bỏ ra để thi công, còn lại thì anh H nhận. Lãi của mỗi công trình là bao nhiêu thì ông K không rõ.

Do anh H làm nghề tốt, tay nghề cứng, đảm bảo cho công trình của ông nên ông rất muốn công việc được thực hiện nhanh chóng. Vì vậy, ông đã đầu tư tiền cho anh H để mua máy móc phục vụ làm nghề như máy bào, máy tiện, máy hàn, máy hơi rửa xe, máy phát điện, máy hút bụi, máy thổi PU, máy khoan, máy cắt, máy đục, máy mài và máy cưa liên hợp. Đồng thời, đầu tư nhà xưởng để anh H làm nghề. Số tiền đầu tư từ năm 2007 cho đến nay là khoảng 300 triệu đồng. Vì anh em làm chung với nhau đã lâu nên ông K rất tin tưởng anh H, khi giao tiền cho anh H không có văn bản gì cả. Số tiền ông K đầu tư, anh H đã dùng để mua máy móc phục vụ cho công việc như máy khoan, máy cắt, máy hàn .... và làm nhà xưởng trên đất của mẹ anh H phục vụ công việc. Số tiền đầu tư nhiều lần và mỗi lần mua máy móc hết bao nhiêu tiền ông không rõ do ông không yêu cầu anh H báo cáo. Đối với việc xây dựng nhà xưởng, anh H xây dựng trái phép trên đất của mẹ anh H thì ông không biết.

Nay chị P khởi kiện yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng anh H trong thời kỳ hôn nhân, trong đó có yêu cầu chia tài sản chung gồm các đồ làm nghề của anh H là máy hút bụi, máy phát điện, máy thổi PU, máy khoan, máy cắt, máy đục, máy mài, máy cưa liên hợp, máy hơi rửa xe và 01 nhà xưởng xây dựng trên đất của bà L thì ông K không đồng ý vì đây là tài sản của ông K, ông K đầu tư cho anh H làm việc chứ không phải là tài sản chung của vợ chồng nên chị P không có quyền yêu cầu chia.

Ngoài ra, ông K không có ý kiến trình bày gì khác.

Đại diện VKSND thị xã Điện Bàn phát biểu quan điểm giải quyết vụ án.

Quá trình Toà án cấp sơ thẩm đã thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng quy định của BLTTDS. Các đương sự chấp hành tốt quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án Viện kiểm sát đề nghị: Áp dụng điều 28, 35, 39 BLTTDS, các Điều 33, 59, 60 Luật HNGĐ chấp nhận đơn khởi kiện của chị P. Bà L có một phần đóng góp công sức trong việc xây dựng ngôi nhà với mức đóng góp công sức tương ứng với giá trị của ngôi nhà là 28.760.603đ. Chị P được nhận 01 bảo hiểm tại Công ty bảo hiểm Prudential có giá trị 52.518.900đ, có trách nhiệm thối trả phần chênh lệch giá trị 26.259.450đ cho anh H. Anh Phạm Văn H tiếp tục sử dụng và quản lý 01 ngôi nhà xây dựng trên thửa đất 543/1, tờ bản đồ số 3 của bà Nguyễn Thị L tại thôn T2, xã Đ có giá trị còn lại sau khi chia cho bà L và các vật dụng trong nhà với tổng giá trị là 327.545.434đ. Anh H có trách nhiệm thối trả phần chệnh lệch trị giá 163.772.717đ cho chị P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn giữa nguyên đơn chị Thiều Thị Hồng P và bị đơn anh Phạm Văn H. Bị đơn có HKTT tại địa chỉ: thôn T2, xã Đ, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Về nội dung vụ án: Cả chị P và anh H đều thừa nhận tài sản chung của vợ chồng gồm: 01 xe máy hiệu Air Blade BKS 92D1-09359 do anh H đứng tên; 01 máy giặt hiệu Panasonic 7kg; 01 tủ lạnh hiệu Daewoo; 01 máy lọc nước hiệu Tana; 01 dàn karaoke và ti vi màn hình Samsung; 01 tủ đứng phòng khách; 01 bộ bàn ghế phòng khách; 01 bộ bàn ghế inox 6 ghế; 01 tủ bếp treo tường; 01 bếp ga và bình ga; 01 bảo hiểm tại Công ty TNHH Bảo hiểm Prudential

Qua định giá ngày 03/5/2018, HĐĐG xác định giá trị các tài sản như sau: 01 ngôi nhà xây dựng trên thửa đất ở số 543/1, tờ bản đồ số 03 của bà Nguyễn Thị L tại thôn T2, xã Đ có giá trị tổng cộng là 287.606.037đ; 01 xe máy hiệu Air Blade BKS 92D1-09359 do anh H đứng tên có giá trị 24.000.000đ; 01 xe máy hiệu Yamaha Sirius BKS 92S2-5238 do anh H đứng tên có giá trị 9.000.000đ; 01 máy giặt hiệu Panasonic 7kg có giá trị 2.000.000đ; 01 tủ lạnh hiệu Daewoo có giá trị 900.000đ; 01 máy lọc nước hiệu Tana có giá trị 1.500.000đ; 01 máy phát điện Sandi có giá trị 5.000.000đ; 01 máy hút bụi Robinson có giá trị 700.000đ; 01 máy thổi PU Jesun có giá trị 1.500.000đ; 01 máy khoan giá trị 700.000đ; 01 máy cắt có giá trị 1.000.000đ; 01 máy đục có giá trị 3.000.000đ; 01 máy mài có giá trị 1.000.000đ; 01 máy cưa liên hợp có giá trị 7.000.000đ; 01 dàn karaoke và ti vi màn hình Samsung có giá trị 2.500.000đ; 01 tủ đứng phòng khách có giá trị 3.000.000đ; 01 bộ bàn ghế phòng khách có giá trị 3.500.000đ; 01 bộ bàn ghế inox 6 ghế có giá trị 700.000đ; 01 tủ bếp treo tường có giá trị 1.200.000đ; 01 bếp ga và bình ga có giá trị 500.000đ; 01 bảo hiểm tại Công ty bảo hiểm Prudential có giá trị 52.518.900đ.

[3] Đối với ngôi nhà xây dựng trên thửa đất ở số 543/1, tờ bản đồ số 03 của mẹ chồng chị P là bà Nguyễn Thị L tại thôn T2, xã Đ: Anh H và bà L khai đây là tài sản riêng của bà L nên không đồng ý chia cho vợ chồng anh H. Bà L cho rằng số tiền làm nhà có được là vì trước giải phóng, bà nhận được tiền tử tuất của chồng bà do chính quyền ngụy trả, bà đã đổ 6 cây vàng và cất giấu kỹ trong vườn. Đến năm 2007, bà đưa 01 cây vàng cho anh H làm nhà dưới, đến năm 2009 bà đưa tiếp 05 cây vàng cho anh H làm lại nhà trên. Tuy nhiên, bà L không chứng minh được nguồn tiền làm nhà là do bà nhận của chế độ ngụy trả cho bà để bà bỏ ra làm nhà. Qua xác minh tại chính quyền địa phương, thời điểm sau khi chồng bà L mất (năm 1972) đến trước khi vợ chồng chị P về sống chung với bà L (năm 2005) thì hoàn cảnh gia đình bà L thuộc diện khó khăn, bản thân bà L làm nghề buôn ve chai phải nuôi 02 con còn nhỏ và sống trên phần nhà dưới do chồng bà xây dựng trước khi mất. Bà L cho rằng số vàng nhận được bà cất kỹ để phòng về già trong khi thời điểm đó bản thân bà còn trẻ, cuộc sống

khó khăn phải nuôi 02 con nhỏ nhưng bà không đụng đến số tiền đó là không có cơ sở nên HĐXX không chấp nhận.

Anh H cũng cho rằng thời điểm đó vợ chồng có tiền, vàng nhưng vợ anh không giao tiền, vàng để làm nhà mà sử dụng tiền của bà L và anh mượn thêm của cháu gái L 3,3 chỉ vàng mới đủ làm. Tuy nhiên chị P không thừa nhận việc này. Thực tế, thời điểm đó bà L không có việc làm mà chỉ ở nhà trông con cho vợ chồng anh yên tâm làm việc, vợ chồng anh H là lao động chính tạo ra thu nhập để nuôi sống gia đình chứng tỏ vợ chồng anh H đang sống hạnh phúc, sau khi làm nhà xong vợ chồng anh chị cùng sống chung với bà L đến năm 2017 mới xảy ra mâu thuẫn dẫn đến ly hôn. Anh H cho rằng chị P không chịu bỏ tiền ra làm nhà, để anh phải tự mượn vàng của cháu gái thêm vào làm nhà, anh H không xuất trình được tài liệu chứng minh nên không có cơ sở để HĐXX chấp nhận.

Lời trình bày của chị P phù hợp với thực tế sau khi vợ chồng về chung sống với bà L (từ năm 2005), anh H làm thợ mộc có đi nhận các công trình lớn ở xa nên có tiền dư, còn chị P làm công nhân được trả lương cao do tay nghề cứng nên vợ chồng dành dụm được, cộng với số vàng cưới đã đập ngôi nhà cũ ra xây dựng khang trang như hiện tại. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống, bà L mặc dù không làm ra tiền nhưng đã có công chăm sóc các con anh H để vợ chồng anh yên tâm làm việc nên được coi là có công sức đóng góp trong việc tạo lập khối tài sản chung là ngôi nhà xây dựng trên thửa đất ở số 543/1.

Như vậy, việc anh H và bà L cho rằng ngôi nhà được xây dựng trên thửa đất 543/1 là tài sản riêng của bà L là không đúng. HĐXX xác định ngôi nhà nói trên là tài sản chung của vợ chồng, tuy nhiên có công sức đóng góp của bà L là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 61 Luật hôn nhân và gia đình nên yêu cầu của chị P được HĐXX chấp nhận. Phần công sức đóng góp của bà L được tính tương ứng giá trị 1/5 ngôi nhà có giá trị là 57.521.000đ. sau khi trừ giá trị trích cho bà L, chị P và anh H được nhận mỗi người 2/5 giá trị ngôi nhà tương ứng số tiền 115.042.000đ.

[4] Đối với chiếc xe máy hiệu Yamaha Sirius BKS 92S2-5238 do anh H đứng tên. Anh H và chị L cho rằng đây là tài sản riêng của chị L, không phải tài sản của vợ chồng anh H nên không đồng ý chia. Tuy nhiên, chị L không xuất trình được tài liệu chứng minh nguồn tiền mua xe là do chị đưa cho anh H. Chị P cho rằng xe này được mua trong thời kỳ hôn nhân bằng tiền của vợ chồng. Khi làm nhà, vợ chồng chị không mượn vàng của chị L vì lúc đó chị L mới đi làm không có nhiều tiền. Số tiền trả trước khi mua xe và trả góp hàng tháng là do anh H bỏ ra, không phải tiền của chị L. Hơn nữa, sau khi mua xe về, vợ chồng sử dụng xe này, thỉnh thoảng có cho chị L mượn. Đến 2 năm sau, chị L mua xe mới nên trả hẳn xe này để vợ chồng chị sử dụng. Lời khai của chị P là hợp lý, hiện tại anh H là người đứng tên trong Giấy đăng ký xe nên có căn cứ xác định chiếc xe máy hiệu Yamaha Sirius là tài sản chung của vợ chồng theo Điều 33 Luật Hôn nhân gia đình.

[5] Đối với các máy móc làm nghề phục vụ cho công việc của anh H gồm: 01 máy phát điện Sandi; 01 máy hút bụi Robinson; 01 máy thổi PU Jesun; 01 máy khoan; 01 máy cắt;

01 máy đục; 01 máy mài; 01 máy cưa liên hợp. Anh H và ông K cho rằng đây là tài sản của ông K đầu tư cho anh H để anh H làm nghề, không phải là tài sản chung của vợ chồng anh H nên không đồng ý chia. Tuy nhiên, cả ông K và anh H không xuất trình được tài liệu để chứng minh nguồn tiền mua máy móc phục vụ cho công việc của anh H là do ông K đầu tư cho anh H. Chị P khai rằng nguồn tiền để mua máy móc phục vụ cho công việc anh H là tiền dành dụm của vợ chồng và mua dần trong thời gian dài mà có được. Hơn nữa, ông K không làm nghề mộc mà chỉ kêu anh H nhận thầu phần mộc cho công trình của ông nên máy móc phục vụ cho công việc của anh H là do anh H tự sắm sửa để làm nghề chứ không phải do người khác đầu tư. Đây là tài sản được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân nên là tài sản chung của vợ chồng. Lời trình bày của chị P có căn cứ nên được HĐXX chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Đối với số tiền 3 cây 8 chỉ vàng anh H khai là tài sản chung của vợ chồng, hiện chị P đang giữ. Chị P cho rằng vợ chồng có tiền, vàng nhưng đã bán ra để làm nhà vào năm 2007 và năm 2009 hết rồi. Từ năm 2008 đến nay, anh H không đưa tiền, vàng cho chị cất giữ nữa nên chị không có số tiền này. Anh H không xuất trình được chứng cứ chứng minh vợ chồng có số vàng này và hiện nay chị P đang giữ nên không có cơ sở để chấp nhận.

[7] Đối với 01 nhà xưởng xây dựng trên đất nông nghiệp (đất màu) thuộc thửa 548, tờ bản đồ số 03 của bà Nguyễn Thị L ở thôn T2, xã Đ; 01 tủ quần áo bằng gỗ và 01 máy hơi rửa xe: Tại phiên tòa, chị P rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu HĐXX chia tài sản gồm 01 nhà xưởng xây dựng trên đất nông nghiệp (đất màu) thuộc thửa 548, tờ bản đồ số 03; 01 tủ quần áo bằng gỗ và 01 máy hơi rửa xe. Xét thấy, ý kiến của chị P hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên HĐXX áp dụng Điều 244 BLTTDS chấp nhận để đình chỉ đối với yêu cầu trên.

[8] Từ những phân tích trên, HĐXX xác định tài sản chung của vợ chồng anh H và chị P trong thời kỳ hôn nhân gồm: 01, ngôi nhà xây dựng trên thửa đất ở số 543/1, tờ bản đồ số 03 của bà Nguyễn Thị L tại thôn T2, xã Đ (có trích một phần công sức đóng góp của cho bà L); 01 xe máy hiệu Air Blade BKS 92D1-09359 ; 01 xe máy hiệu Yamaha Sirius BKS 92S2-5238; 01 máy giặt hiệu Panasonic 7kg; 01 tủ lạnh hiệu Daewoo; 01 máy lọc nước hiệu Tana; 01 máy phát điện Sandi; 01 máy hút bụi Robinson; 01 máy thổi PU Jesun; 01 máy khoan; 01 máy cắt; 01 máy đục; 01 máy mài; 01 máy cưa liên hợp; 01 dàn karaoke và ti vi màn hình Samsung; 01 tủ đứng phòng khách; 01 bộ bàn ghế phòng khách; 01 bộ bàn inox 6 ghế; 01 tủ bếp treo tường; 01 bếp ga và bình ga; 01 bảo hiểm tại Công ty TNHH Bảo hiểm Prudential.

[9] Như vậy, tổng giá trị tài sản chung của vợ chồng chị P anh H sau khi trích phần công sức cho bà L là 351.304.000đ (ba trăm năm mươi mốt triệu ba trăm lẻ bốn nghìn đồng)

Sau khi ly hôn, chị P về quê tại Bình Thuận sinh sống nên không có nhu cầu nhận các vật dụng trong nhà và máy móc mà chỉ yêu cầu được nhận tiếp tục đóng bảo hiểm tại Công ty TNHH Bảo hiểm Prudential, nhận chiếc xe máy hiệu Air Blade BKS 92D1-09359 và yêu cầu anh H thối trả giá trị chênh lệch cho chị. Anh H đồng ý giao Bảo hiểm tại Công ty TNHH Bảo hiểm Prudential cho chị P tiếp tục đóng và đồng ý chuyển tên

trong hợp đồng cho chị P.

Yêu cầu của chị P là chính đáng nên được HĐXX chấp nhận. Căn cứ Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình, anh H và chị P mỗi người được hưởng ½ giá trị tài sản chung có giá trị tương ứng là 175.625.000đ (một trăm bảy mươi lăm triệu sáu trăn hai lăm nghìn đồng). Trong đó chị P được nhận tiếp tục đóng bảo hiểm tại Công ty Bảo hiểm Prudential và nhận chiếc xe máy hiệu Air Blade BKS 92D1-09359 có giá trị tổng cộng 75.518.900đ (bảy mươi lăm triệu năm trăm mười tám nghìn chín trăm đồng).

Đối với ngôi nhà xây dựng trên thửa đất ở số 543/1, tờ bản đồ số 03 của bà Nguyễn Thị L tại thôn T2, xã Đ có giá trị tổng cộng theo định giá là 287.606.037đ là tài sản chung của vợ chồng trong khối tài sản chung của gia đình. Do ngôi nhà được xây dựng trên thửa đất số 543/1, tờ bản đồ số 03 thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị L có công sức đóng góp của bà L. Hiện tại bà L và anh H đang sống chung trong ngôi nhà này nên giao ngôi nhà nói trên cho bà L và anh H cùng quản lý sử dụng là hợp lý. Bà L và anh H có trách nhiệm liên đới thối trả cho chị P 2/5 giá trị tài sản trong khối tài sản chung là 115.043.000đ.

Anh H được nhận 01 xe máy hiệu Yamaha Sirius BKS 92S2-5238; 01 máy giặt hiệu Panasonic 7kg; 01 tủ lạnh hiệu Daewoo; 01 máy lọc nước hiệu Tana; 01 máy phát điện Sandi; 01 máy hút bụi Robinson; 01 máy thổi PU Jesun; 01 máy khoan; 01 máy cắt; 01 máy đục; 01 máy mài; 01 máy cưa liên hợp; 01 dàn karaoke và ti vi màn hình Samsung; 01 tủ đứng phòng khách; 01 bộ bàn ghế phòng khách; 01 bộ bàn ghế inox 6 ghế; 01 tủ bếp treo tường; 01 bếp ga và bình ga có giá trị tổng cộng 60.609.450đ (sáu mươi triệu sáu trăm linh chín nghìn bốn trăm năm mươi đồng).

[10] Về án phí: Chị Thiều Thị Hồng P và anh Phạm Văn H phải chịu án phí theo giá ngạch đối với trị giá phần tài sản mà mỗi người được chia là 175.625.000đ X 5% = 8.783.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng: Điều 28;35; 39; 244 BLTTDS; Điều 33; 59;61 Luật HN&GĐ; Điều 288, 468 BLDS; Điều 17 luật phí và lệ phí, Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thiều Thị Hồng P đối với anh Phạm Văn H về chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn

1. Đình chỉ xét xử đối với việc rút yêu cầu chia 01 nhà xưởng xây dựng trên đất nông nghiệp (đất màu) thuộc thửa 548, tờ bản đồ số 03; 01 tủ quần áo bằng gỗ và 01 máy hơi rửa xe

2. Xác định tài sản chung của chị Thiều Thị Hồng P và anh Phạm Văn H gồm:

- 01 ngôi nhà xây dựng trên thửa đất ở số 543/1, tờ bản đồ số 03 tại thôn T2, xã Đ có giá trị 287.606.037đ (có trích 1/5 công sức đóng góp cho bà Nguyễn Thị L)

- 01 xe máy hiệu Air Blade BKS 92D1-09359 do anh H đứng tên có giá trị 24.000.000đ.

- 01 xe máy hiệu Yamaha Sirius BKS 92S2-5238 do anh H đứng tên có giá trị 9.000.000đ

- 01 máy giặt hiệu Panasonic 7kg có giá trị 2.000.000đ
- 01 tủ lạnh hiệu Daewoo có giá trị 900.000đ
- 01 máy lọc nước hiệu Tana có giá trị 1.500.000đ
- 01 máy phát điện Sandi có giá trị 5.000.000đ
- 01 máy hút bụi Robinson có giá trị 700.000đ
- 01 máy thổi PU Jesun có giá trị 1.500.000đ
- 01 máy khoan giá trị 700.000đ
- 01 máy cắt có giá trị 1.000.000đ
- 01 máy đục có giá trị 3.000.000đ
- 01 máy mài có giá trị 1.000.000đ
- 01 máy cưa liên hợp có giá trị 7.000.000đ
- 01 dàn karaoke và ti vi màn hình Samsung có giá trị 2.500.000đ
- 01 tủ đứng phòng khách có giá trị 3.000.000đ
- 01 bộ bàn ghế phòng khách có giá trị 3.500.000đ
- 01 bộ bàn ghế inox 6 ghế có giá trị 700.000đ
- 01 tủ bếp treo tường có giá trị 1.200.000đ
- 01 bếp ga và bình ga có giá trị 500.000đ
- 01 bảo hiểm tại Công ty bảo hiểm Prudential có giá trị 52.518.900đ

2.1. Giao ngôi nhà xây dựng trên thửa đất ở số 543/1, tờ bản đồ số 03 tại thôn T2, xã Đ cho bà Nguyễn Thị L và anh Phạm Văn H được quyền quản lý, sử dụng.

2.2. Bà Nguyễn Thị L và anh Phạm Văn H có nghĩa vụ liên đới thối trả cho chị Thiều Thị Hồng P số tiền 115.043.000đ (một trăm mười lăm triệu không trăm bốn mươi ba nghìn đồng).

2.3. Chia cho chị Thiều Thị Hồng P được quyền quản lý, sử dụng 01 xe máy hiệu Air Blade BKS 92D1-09359.

2.4. Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Thiều Thị Hồng P và anh Phạm Văn H:

Chị Thiều Thị Hồng P được tiếp tục đóng 01 bảo hiểm tại Công ty TNHH Bảo hiểm Prudential theo Hợp đồng số 72632522 ngày 30/9/2011 giữa anh Phạm Văn H và Công ty TNHH Bảo hiểm Prudential.

Chị Thiều Thị Hồng P và anh Phạm Văn H có trách nhiệm làm thủ tục pháp lý với Công ty TNHH Bảo hiểm Prudential để chuyển tên chủ Hợp đồng trong Hợp đồng Bảo hiểm số 72632522 ngày 30/9/2011 cho chị Thiều Thị Hồng P.

2.5. Chia cho anh Phạm Văn H được quyền quản lý, sử dụng 01 xe máy hiệu Yamaha Sirius BKS 92S2-5238; 01 máy giặt hiệu Panasonic 7kg; 01 tủ lạnh hiệu Daewoo; 01 máy lọc nước hiệu Tana; 01 máy phát điện Sandi; 01 máy hút bụi Robinson; 01 máy thổi PU Jesun; 01 máy khoan; 01 máy cắt; 01 máy đục; 01 máy mài; 01 máy cưa liên hợp; 01 dàn

karaoke và ti vi màn hình Samsung; 01 tủ đứng phòng khách; 01 bộ bàn ghế phòng khách; 01 bộ bàn ghế inox 6 ghế; 01 tủ bếp treo tường; 01 bếp ga và bình ga.

2.6. Chị Thiều Thị Hồng P có trách nhiệm thối trả cho anh Phạm Văn H số tiền chênh lệch là 15.909.000đ (mười lăm triệu chín trăm linh chín nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Chị Thiều Thị Hồng P phải chịu 8.783.000đ (tám triệu bảy trăm tám mươi ba nghìn đồng) tiền án phí chia tài sản nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 7.275.000đ (bảy triệu hai trăm bảy lăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0008969 ngày 03/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Điện Bàn. Chị Thiều Thị Hồng P còn phải nộp 1.508.000đ (một triệu năm trăm linh tám nghìn đồng) tiền án phí. Anh Phạm Văn H phải chịu 8.783.000đ (tám triệu bảy trăm tám mươi ba nghìn đồng) tiền án phí chia tài sản.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Toà án tỉnh Quảng Nam;
- VKSND thị xã Điện Bàn;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thị xã Điện Bàn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Xuân